|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /2023/TT-BCT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

# DỰ THẢO THÔNG TƯ

# QUY ĐỊNH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH

# GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH NGÀNH CÔNG THƯƠNG (DỰ THẢO 2)

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực năng lượng.*

# CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về kiểm kê khí nhà kính (KNK), quy trình kỹ thuật Đo đạc, Báo cáo, Thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải KNK, đối với các hoạt động liên quan đến phát thải khí nhà kính ngành Công Thương.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm kê KNK và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải KNK ngành Công Thương.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Khí nhà kính (KNK) là loại khí trong khí quyển gây hiệu ứng nhà kính bao gồm: : carbon dioxide (CO2), methane (CH4) và nitrous oxide (N2O), hydrofluorocarbons (HFCs), perfluorocarbons (PFCs), sulphur hexafluoride (SF6) và nitrogen trifluoride (NF3).

2. Nguồn phát thải khí nhà kính là nơi xảy ra các quá trình vật lý, hóa học gây phát thải ra khí nhà kính hoặc các hoạt động sử dụng điện hoặc nhiệt trong sản xuất có liên quan đến sử dụng toàn bộ hoặc một phần nhiên liệu hóa thạch.

3. Phát thải KNK trực tiếp là việc phát thải KNK sinh ra từ hoạt động đốt nhiên liệu hóa thạch, khai thác khoáng sản trên bề mặt hoặc trong lòng đất hoặc rò rỉ các chất gây hiệu ứng nhà kính từ máy móc, trang thiết bị lưu trữ của con người.

4. Phát thải KNK gián tiếp là phát thải KNK do sử dụng các dạng năng lượng như điện, nhiệt hoặc hơi nước có nguồn gốc sử dụng toàn bộ hoặc một phần nhiên liệu hóa thạch.

5. Số liệu hoạt động là số liệu định lượng của các loại nhiên liệu, vật chất sử dụng trong công nghiệp gây phát thải KNK bao gồm lượng nhiên liệu, năng lượng, điện tiêu thụ, vật liệu.

6. Hệ số phát thải của một loại KNK là khối lượng KNK phát thải hoặc loại bỏ trên mỗi đơn vị khối lượng của số liệu hoạt động.

7. Kiểm kê KNK là hoạt động thu thập thông tin, số liệu hoạt động về các nguồn phát thải KNK, tính toán lượng phát thải KNK, hấp thụ KNK trong một phạm vi xác định và trong một năm cụ thể theo phương pháp và quy trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

8. Bậc kiểm kê là đại diện cho độ chi tiết của kết quả kiểm kê KNK tương ứng với phương pháp kiểm kê KNK được lựa chọn, gồm bậc 1,2 và 3 theo hướng dẫn của Ủy ban Liên Chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC).

9. Thẩm định là hoạt động đánh giá báo cáo kết quả đo đạc mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thông tin liên quan khác theo phương pháp và quy trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

10. Cơ sở là các cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành Công Thương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (gọi tắt là Cơ sở).

11. Kịch bản phát triển thông thường (BAU) là giả định có cơ sở khoa học về mức phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thông thường trong tương lai khi chưa thực hiện biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

12. Sản phẩm tương đương là sản phẩm được quy đổi từ các sản phẩm khác nhau được sản xuất trong Cơ sở theo một sản phẩm được lựa chọn (tùy thuộc vào từng Cơ sở) để tính toán lượng phát thải trên một đơn vị sản phẩm.

13. Các quá trình công nghiệp là các hoạt động công nghiệp gây phát thải khí nhà kính từ các quá trình hóa, lý không tiêu thụ năng lượng; là một trong các lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

14. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là hoạt động nhằm giảm nhẹ mức độ hoặc cường độ phát thải khí nhà kính, tăng cường hấp thụ khí nhà kính.

15. Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là hệ thống thu thập, xử lý, quản lý, lưu trữ, cung cấp, kiểm tra thông tin và thẩm định kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đảm bảo tính minh bạch, tính chính xác và có thể kiểm chứng được.

## Điều 4. Nguyên tắc cơ bản thực hiện kiểm kê khí nhà kính và MRV

Kiểm kê khí nhà kính và MRV cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Tính đầy đủ: Kiểm kê và MRV kết quả giảm phát thải khí nhà kính phải thực hiện đối với tất cả các nguồn phát thải, số liệu thu thập cần liên tục, không bị gián đoạn;

- Tính nhất quán: Kiểm kê phát thải khí nhà kính và MRV hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thực hiện liên tục theo thời gian và đảm bảo thống nhất về phương án giám sát, số liệu tính toán, phương pháp kiểm kê KNK;

- Tính minh bạch: Tài liệu, dữ liệu, giả định, số liệu hoạt động, hệ số áp dụng, phương pháp tính toán, kiểm kê khí nhà kính cần được lưu giữ để phục vụ quá trình thẩm định theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và đơn vị thẩm định độc lập;

- Tính chính xác: Tính toán phát thải khí nhà kính cần đảm bảo độ chính xác cao nhất theo phương pháp đã được chọn, giảm tối đa các sai lệch;

- Tính cải tiến liên tục: Hệ thống báo cáo, tính toán phát thải khí nhà kính cần cải thiện liên tục theo các kiến nghị phù hợp của cơ quan thẩm định.

# Chương II. KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

# Mục 1. KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH CẤP LĨNH VỰC THUỘC NGÀNH CÔNG THƯƠNG

## Điều 5. Phạm vi kiểm kê cấp lĩnh vực

Kiểm kê khí nhà kính thực hiện đối với các hoạt động thuộc lĩnh vực năng lượng, quá trình công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, trong đó:

1. Kiểm kê khí nhà kính cho lĩnh vực năng lượng

a) Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động đốt nhiên liệu

b) Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động phát tán từ nhiên liệu

2. Kiểm kê khí nhà kính cho lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm (IPPU)

a) Phát thải khí nhà kính từ công nghiệp hóa chất

b) Phát thải khí nhà kính từ công nghiệp luyện kim

c) Phát thải khí nhà kính từ sử dụng các sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

## Điều 6. Thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Các số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực quy định chi tiết tại Phụ lục I.1 của Thông tư này.

2. Nguồn số liệu hoạt động được thu thập từ cơ quan thống kê ở Trung ương và địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan, và kết quả điều tra, khảo sát của đơn vị chuyên môn.

## Điều 7. Lựa chọn hệ số phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Hệ số phát thải áp dụng cho quá trình kiểm kê KNK lựa chọn theo Danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

2. Các hệ số phát thải chưa được quy định tại khoản 1 Điều này thì áp dụng theo hướng dẫn của IPCC phiên bản mới nhất.

3. Khuyến khích áp dụng phương pháp tính toán, xác định và sử dụng hệ số phát thải phù hợp với thực tế của ngành sau khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

## Điều 8. Phương pháp kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Phương pháp kiểm kê KNK trong các hoạt động thuộc lĩnh vực năng lượng và quá trình công nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Công thức và phương pháp tính toán:

a. Công thức tính toán chung

Công thức tính toán chung này áp dụng cho tiểu lĩnh vực các hoạt động đốt nhiên liệu và một số hoạt động phù hợp trong lĩnh vực IPPU.

Trong đó:

* *i*: loại KNK
* *t*: tiểu lĩnh vực
* là phát thải KNK của tiểu lĩnh vực *t* với khí *i*
* là số liệu hoạt động của tiểu lĩnh vực t với khí *i*
* là hệ số phát thải của loại KNK i đối với loại số liệu hoạt động của tiểu lĩnh vực *t*

b. Tổng phát thải của KNK loại *i* của tiểu lĩnh vực *t*

Trong đó:

* là tổng phát thải KNK loại i của tiểu lĩnh vực *t* (tCO2tđ)
* *GWPi* là hệ số làm nóng lên toàn cầu của khí *i*, áp dụng theo công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường
* Tổng lượng phát thải theo tCO2tđ của một tiểu lĩnh vực trong một giai đoạn báo cáo cụ thể bằng tổng lượng phát thải có thể báo cáo từ tất cả hoạt động có liên quan và nguồn phát thải trong giai đoạn báo cáo đó của tiểu lĩnh vực, như sau:

c. Trong trường hợp tổ chức thực hiện kiểm kê muốn áp dụng bậc kiểm kê có độ chính xác cao hơn, có thể tham khảo và sử dụng các công thức tính cho từng nguồn phát thải phù hợp theo các phiên bản mới nhất của Hướng dẫn IPCC.

## Điều 9. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng (QA/QC) báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Đối với hoạt động kiểm soát chất lượng (QC)

a. Hoạt động kiểm soát chất lượng cần thực hiện kiểm tra các nội dung như sau:

- Các giả định, cách thức lựa chọn số liệu hoạt động, hệ số phát thải và hệ số chuyển đổi;

- Độ chính xác của việc nhập số liệu;

- Kết quả tính toán phát thải khí nhà kính;

- Sự minh bạch và tính nhất quán của số liệu;

- Độ chính xác trong các bước nhập số liệu;

- Tính liên tục của số liệu;

- Rà soát, đánh giá sự đầy đủ của tài liệu lưu trữ nội bộ.

b. Trách nhiệm thực hiện: Kiểm soát chất lượng báo cáo kiểm kê khí nhà kính do đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo tự thực hiện.

2. Đối với hoạt động bảo đảm chất lượng (QA)

a. Hoạt động bảo đảm chất lượng cần thực hiện kiểm tra các nội dung như sau:

- Các giả thuyết tính toán, tiêu chuẩn chọn lựa số liệu hoạt động, hệ số phát thải và những hệ số chuyển đổi;

- Phương pháp kiểm kê được áp dụng và quy trình, cách thức triển khai kiểm kê KNK, chất lượng của số liệu đầu vào trong quá trình tính toán, kiểm kê;

- Kết quả tính toán phát thải khí nhà kính

- Sự phù hợp lựa chọn hệ số chuyển đổi trong các công thức tính toán.

- Tính minh bạch của cơ sở dữ liệu;

- Tính nhất quán của dữ liệu;

- Sự sai lệch khi gửi dữ liệu giữa các bước nhập số liệu;

- Sộ không chắc chắn của báo cáo kiểm kê;

- Tính liên tục của dữ liệu;

- Rà soát hệ thống lưu trữ tài liệu nội bộ.

b. Trách nhiệm thực hiện: Các hoạt động bảo đảm chất lượng của báo cáo do một đơn vị bên thứ ba không tham gia vào quá trình kiểm kê khí nhà kính thực hiện.

## Điều 10. Đánh giá độ không chắc chắn kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Đánh giá độ không chắc chắn của kết quả kiểm kê KNK thực hiên đối với các nội dung sau:

- Tính hoàn thiện của báo cáo;

- Tính phù hợp thực tế của mô hình, phương pháp kiểm kê;

- Tính đầy đủ của dữ liệu tính toán;

- Tính đại diện của số liệu;

- Tính bất thường của số liệu;

- Các yếu tố khác của báo cáo như sự thiếu minh bạch, sai phạm vi kiểm kê.

2. Định lượng độ không chắc chắn của kết quả kiểm kê KNK thực hiện theo hướng dẫn tại Chương 3, Quyển 1, Hướng dẫn IPCC 2006, IPCC 2019

## Điều 11. Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

Việc tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính của các kỳ kiểm kê trước được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Thay đổi về phương pháp kiểm kê KNK dẫn đến sự thay đổi đáng kể trong kết quả kiểm kê KNK gần nhất;

- Có sự thay đổi về nguồn phát thải KNK.

## Điều 12. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

- Báo cáo kiểm kê KNK xây dựng theo Mẫu số 01, Phụ lục II Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn;

- Báo cáo kiểm kê KNK hoàn thành trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo.

## Điều 13. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Thẩm định Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Báo cáo kết quả kiểm kê KNK cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương hoàn thành trước ngày 31 tháng 12[[1]](#footnote-2) của kỳ báo cáo.

# Mục 2. KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH CẤP CƠ SỞ

## Điều 14. Phạm vi kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

Kiểm kê KNK cấp cơ sở được thực hiện đối với các nguồn phát thải trực tiếp và gián tiếp thuộc phạm vi quản lý của Cơ sở, cụ thể như sau:

1. Phát thải trực tiếp:

- Phát thải cố định gồm các hoạt động đốt nhiên liệu trong thiết bị lắp đặt cố định như nồi hơi, lò nung, đầu đốt, tua-bin, lò sưởi, lò đốt, v.v.;

- Phát thải di động gồm các hoạt đốt nhiên liệu trong các thiết bị vận tải;

- Phát thải từ quá trình công nghiệp gồm phát thải từ các quá trình vật lý hoặc hóa học tạo ra khí nhà kính trong dây chuyền sản xuất của cơ sở;

- Phát thải do phát tán gồm các nguồn phát thải khí nhà kính từ trong máy móc, trang thiết bị hoặc khai thác, chế biến khoáng sản, thu gom, xử lý chất thải….

2. Phát thải gián tiếp:

- Phát thải do tiêu thụ năng lượng điện;

- Phát thải do sử dụng năng lượng nhiệt, hơi.

3. Khuyến khích các Cơ sở mở rộng phạm vi kiểm kê khí nhà kính đến chuỗi cung ứng nguyên, nhiên vật liệu và quá trình xử lý thải bỏ.

## Điều 15. Thu thập số liệu hoạt động kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

- Cơ sở thực hiện việc thu thập, quản lý và lưu giữ số liệu hoạt động liên quan đến các nguồn phát thải trong phạm vi quản lý.

- Số liệu hoạt động cần thu thập phục vụ kiểm kê KNK cấp cơ sở quy định tại Phụ lục II.2 của Thông tư này.

## Điều 16. Lựa chọn hệ số phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Hệ số phát thải phục vụ kiểm kê KNK được áp dụng theo danh mục hệ số phát thải do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

2. Trong trường hợp hệ số phát thải không có trong Danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thì áp dụng hướng dẫn của IPCC phiên bản mới nhất.

3. Khuyến khích áp dụng hệ số phát thải theo các bậc kiểm kê khí nhà kính có độ chính xác cao hơn theo yêu cầu cụ thể như sau:

- Áp dụng đối với bậc 2 kiểm kê khí nhà kính: Các thiết bị đo đạc được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định, các mẫu phân tích thực hiện trong các phòng thí nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001;

- Áp dụng đối với bậc 3 kiểm kê khí nhà kính: Các thiết bị đo đạc được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định, các mẫu phân tích thực hiện trong các phòng thí nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 17025.

## Điều 17. Tính toán phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Tính toán các nguồn phát thải KNK:

Trong đó:

- là Phát thải KNK của KNK *i* (tấn)

- là Số liệu hoạt động của cơ sở với KNK *i*

- là Hệ số phát thải của loại KNK *i*

- *i*: là Loại KNK

2. Tổng lượng phát thải KNK của một cơ sở:

Trong đó:

- là Tổng phát thải KNK tính theo CO2 tương đương của Cơ sở (tCO2tđ)

- là Hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu của khí i theo công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Phương pháp tính toán cho các hoạt động phát thải khí nhà kính quy định tại Phụ lục II.1 của Thông tư này.

## Điều 18. Kiểm soát chất lượng kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

Quy trình kiểm soát chất lượng kiểm kê KNK cấp cơ sở được thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14064-1:2011, Phần 1: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn để định lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ KNK ở cấp độ cơ sở.

## Điều 19. Đánh giá độ không chắc chắn của kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

Đánh giá độ không chắc chắn kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10 Thông tư này.

## Điều 20. Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở cấp cơ sở

1. Cơ sở có trách nhiệm giải trình và tính toán lại kết quả kiểm kê KNK trong trường hợp:

- Có sự thay đổi về phạm vi kiểm kê;

- Có sự thay đổi về phương pháp kiểm kê KNK dẫn đến sự thay đổi trong kết quả kiểm kê KNK gần nhất;

- Có sự thay đổi về nguồn phát thải KNK.

2. Cơ sở có trách nhiệm bổ sung nội dung phần tính toán lại kết quả kiểm kê KNK trong báo cáo kiểm kê KNK tại kỳ kiểm kê tiếp theo.

## Điều 21. Xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Báo cáo kiểm kê KNK cấp cơ sở bắt đầu thực hiện cho năm 2024 theo Mẫu 06, Phụ lục II Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kiểm kê KNK cấp cơ sở (Hồ sơ) gồm:

- Báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở (Báo cáo);

- Thông tin tổng hợp về số liệu hoạt động liên quan đến xây dựng báo cáo kiểm kê theo quy định tại Phụ lục II.2 của Thông tư này;

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu được yêu cầu).

3. Cơ sở nộp Hồ sơ đến Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày 31 tháng 3[[2]](#footnote-3) của kỳ báo cáo kể từ năm 2025 để thẩm định.

4. Cơ sở có trách nhiệm giải trình, chỉnh sửa, hoàn thiện Báo cáo theo ý kiến thẩm định của Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh trước ngày 01 tháng 12[[3]](#footnote-4) của kỳ báo cáo kể từ năm 2025.

## Điều 22. Thẩm định báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm kê KNK của Cơ sở, Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thẩm định các thông tin và kết quả kiểm kê KNK do Cơ sở cung cấp theo quy trình thẩm định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ thẩm định và gửi báo cáo kết quả kiểm kê KNK đã được cơ sở hoàn thiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính của Bộ Công Thương.

3. Kinh phí cho hoạt động thẩm định được quy định tại Khoản 7, Điều 11, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn.

# Chương III. ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH

# GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

# Mục 1. HƯỚNG DẪN ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CẤP LĨNH VỰC THUỘC NGÀNH CÔNG THƯƠNG

## Điều 23. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực, bao gồm các nội dung sau:

- Kết quả kiểm kê KNK của lĩnh vực;

- Phát thải đường cơ sở theo kịch bản phát triển thông thường (BAU) cho các lĩnh vực và tiểu lĩnh vực theo hướng dẫn tại Phụ lục III.1 của Thông tư này;

- Tiềm năng, mục tiêu giảm nhẹ phát thải KNK;

- Các biện pháp, hoạt động giảm phát thải KNK;

- Tổ chức thực hiện.

- Phương án giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK (phương án giám sát) bao gồm các nội dung chính như sau:

+ Thông tin về hệ thống giám sát;

+ Thông tin về các phương pháp tính toán mức giảm phát thải KNK cho các giải pháp giảm nhẹ phát thải KNK;

+ Thông tin về các thông số cần được đo đạc, tần suất và cách thức thực hiện đo đạc.

2. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương xây dựng theo mẫu số 01, Phụ lục IV Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn.

## Điều 24. Đo đạc, tính toán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

Kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực hàng năm được tính toán như sau:

**GPTCT = ∑t GPTt**

Trong đó:

**- GPTCT** là mức giảm phát thải của lĩnh vực trong năm (tCO2tđ);

**t** là tiểu lĩnh vực t;

**- GPTt** là mức giảm phát thải trong năm của tiểu lĩnh vực t (tCO2tđ); **GPTt** được tính như sau:

**- GPTt = ∑ i (BAUi,t - KNKi,t)**

Trong đó:

**- BAUi,t :** là mức phát thải KNK trong năm theo kịch bản thông thường đối với tiểu lĩnh vực t với nguồn phát thải i (tCO2tđ).

**- KNKi,t :** là mức phát thải KNK trong năm của tiểu lĩnh vực t với nguồn phát thải i (tCO2tđ).

Phương pháp xác định phát thải đường cơ sở theo kịch bản phát triển thông thường và phương pháp kiểm kê khí nhà kính của lĩnh vực phải thống nhất với Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính quy định tại Điều 23 Thông tư này.

## Điều 25. Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương xây dựng theo Mẫu số 01, Phụ lục III Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn.

2. Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 hàng năm[[4]](#footnote-5).

## Điều 26. Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực thuộc pham vi quản lý của Bộ Công Thương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững tổng hợp Báo cáo kết quả giảm nhẹ trình Bộ Công Thương phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 1[[5]](#footnote-6) hằng năm.

# Mục 2. HƯỚNG DẪN ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CẤP CƠ SỞ

## Điều 27. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở bao gồm các nội dung chính sau:

- Kết quả kiểm kê KNK năm trước năm xây dựng kế hoạch;

- Số liệu đầu vào, giả định và phương pháp xác định mức phát thải KNK dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải KNK;

- Mục tiêu giảm phát thải KNK của cơ sở đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030 phù hợp với hạn ngạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao;

- Các biện pháp và phương thức thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở;

- Phương án giám sát Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của Cơ sở (Chi tiết tại Phụ lục III.2 kèm theo Thông tư này).

2. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở xây dựng theo mẫu số 02, Phụ lục IV Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn;

3. Cơ sở xây dựng, phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK giai đoạn 2026 – 2030 gửi Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. Trong quá trình triển khai, Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính có thể điều chỉnh, cập nhật, bổ sung và gửi lại Cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường để quản lý.

## Điều 28. Đo đạc, tính toán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Mức phát thải KNK dự kiến của cơ sở (BAU) là mức phát thải KNK khi không áp dụng các biện pháp giảm nhẹ phát thải KNK. Phương pháp xác định BAU thực hiện theo các bước sau:

- Xác định năm cơ sở và thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho năm cơ sở đã lựa chọn. Năm cơ sở được xác định theo Báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định gần nhất;

- Xác định mức phát thải trung bình cho mỗi đơn vị sản phẩm của năm cơ sở khi không thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính;

Trong đó:

là Phát thải trung bình cho mỗi đơn vị sản phẩm tính theo CO2 tương đương của Cơ sở (tCO2tđ/SPtđ)

+ là Tổng phát thải KNK tính theo CO2 tương đương của Cơ sở (tCO2tđ), được tính toán tại Khoản 2, Điều 17 của Thông tư này.

+ là Sản phẩm tương đương của Cơ sở.

- Lựa chọn mô hình để tính toán mức phát thải khí nhà kính dự kiến cho những năm tiếp theo;

- Ước tính các tác động của bên ngoài lên cường độ phát thải qua các năm.

2. Kết quả giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở trong 01 (một) năm được tính như sau:

Trong đó:

là mức giảm phát thải của cơ sở trong 01 (một) năm (tCO2tđ).

+ d là biện pháp giảm nhẹ.

+ là mức giảm phát thải của cơ sở trong 01 (một) năm khi thực hiện biện pháp giảm nhẹ d (tCO2tđ); được tính như sau:

Trong đó:

**+**  là mức phát thải KNK trong 01 (một) năm khi thực hiện biện pháp giảm nhẹ d (tCO2tđ).

3. Phương pháp xác định mức phát thải dự kiến và phương pháp tính toán kết quả giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở phải thống nhất với Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính quy định tại Điều 27 Thông tư này.

4. Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở được xây dựng theo Mẫu số 02, Phụ lục III Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn.

## Điều 29. Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Nguyên tắc hoạt động thẩm định

- Hoạt động thẩm định phải đảm bảo tính độc lập, khách quan đối với cơ sở phát thải khí nhà kính hoặc với đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm kê, lập báo cáo kết quả giảm phát thải khí nhà kính;

- Mọi hoạt động thẩm định đều phải được ghi chép, lưu giữ hồ sơ, tài liệu minh chứng đảm bảo tính khách quan, độc lập và tuân thủ nguyên tắc, quy trình kỹ thuật thẩm định theo quy định tại Thông tư này;

- Tổ chức thẩm định, thẩm định viên và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thẩm định có trách nhiệm bảo mật tuyệt đối thông tin thu được trong quá trình thẩm định.

2. Yêu cầu kỹ thuật đối với tổ chức thẩm định, thẩm định viên và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thẩm định

- Phải đủ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Có nhóm chuyên gia đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm, năng lực trong hoạt động thẩm định giảm phát thải khí nhà kính và có thành viên là chuyên gia về ngành, lĩnh vực trong quá trình thẩm định;

- Thực hiện việc quản lý chất lượng, hồ sơ hợp đồng chuyên gia thuê ngoài, kiểm soát tài liệu, hồ sơ, biên bản ghi chép các sự cố, các tình huống xử lý trong quá trình thẩm định;

- Bố trí chuyên gia độc lập thực hiện rà soát dự thảo báo cáo thẩm định. Chuyên gia độc lập phải có năng lực phân tích thông tin, đánh giá tính đầy đủ, toàn vẹn của dữ liệu, phát hiện các lỗi trong quy trình thẩm định và tính tuân thủ quy định về quy trình thẩm định tại Thông tư này.

3. Quy trình, quy định kỹ thuật thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở được quy định tại Phụ lục III.3 của Thông tư này.

4. Báo cáo thẩm định xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## Điều 30. Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Cơ sở xây dựng Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 hàng năm đối với kết quả thực hiện Kế hoạch giảm phát thải của năm trước đó.

2. Cơ sở nộp Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK kèm theo Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải KNK đến Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 3[[6]](#footnote-7) hàng năm bắt đầu năm 2027.

# Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 31. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ……tháng ……. năm 2024.

## Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này.

3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng Chính phủ; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Công Thương; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo, Cổng TTĐT của Chính phủ; - Các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương; - Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Cổng TTĐT của Bộ Công Thương; - Lưu: VT, PC, TKNL. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Hồng Diên** |

1. Để kịp gửi trước ngày 31 tháng 1 của của kỳ báo cáo kể từ năm 2023 Điểm a, khoản 3, điều 11 Nghị định 06 [↑](#footnote-ref-2)
2. Để kịp gửi trước ngày 31 tháng 1 của của kỳ báo cáo kể từ năm 2023 Điểm b, khoản 4, điều 11 Nghị định 06 [↑](#footnote-ref-3)
3. Điểm c, khoản 4, điều 11 Nghị định 06 [↑](#footnote-ref-4)
4. Để kịp gửi trước ngày 31 tháng 3 của của kỳ báo cáo kể từ năm 2023 Điểm b khoản 3, điều 10 Nghị định 06 [↑](#footnote-ref-5)
5. Điểm b khoản 3, điều 10 Nghị định 06 [↑](#footnote-ref-6)
6. Điểm a khoản 3, điều 10 Nghị định 06 [↑](#footnote-ref-7)